

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-9- 2022

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung- là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1979

Trú tại: tổ 8 khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh T
(Vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh Lê Xuân Hồng - sinh năm 1981

Nơi ĐKNKTT: tổ 8 khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh T.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 18 phân trại số 2, trại 6, huyện T, tỉnh N(Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2022 và bản tự khai nguyên đơn- chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định năm 2006. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, trong cách nghĩ, cách sống đều khác nhau, không ai nhường nhịn ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh Hồng đang chấp hành án 23 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên tình cảm vợ chồng xa cách, lạnh nhạt. Nay, chị xét thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân H.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Lê Xuân T(nam) sinh ngày 29/10/2006, cháu thứ hai tên là Lê Ánh D(nam) sinh ngày 06/10/2008. Nêu ly hôn chị xin được nuôi 2 cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2022 anh Lê Xuân H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã Q, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh ở tổ 6, khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày anh bị bắt về tội ma túy ngày 18/4/2021 thì chị N không liên lạc với anh, không thăm gặp anh. Nhưng hiện nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn. Nguyên vọng vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi con. Theo anh thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ mất liên lạc với nhau từ ngày 18/4/2021. Nay chị N cương quyết xin ly hôn anh vẫn mong muốn chị N đoàn tụ. Hiện nay anh đang chấp hành án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị bắt ngày 18/4/2021, án phạt 23 tháng tù. Nguyên vọng của anh là vợ chồng đoàn tụ và mong muốn sau khi anh chấp hành án xong mới giải quyết việc ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Lê Xuân T(nam) sinh ngày 29/10/2006, cháu thứ hai tên là Lê Ánh D(nam) sinh ngày 06/10/2008. Nêu phải ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D, chị N nuôi cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/9/2022 trưởng khu phố 6, phường L, thị xã Bím S, tỉnh T cho biết: Anh H, chị N là vợ chồng hợp pháp. Trước đây anh chị sống tại tổ 8, khu phố 6, phường L, thị xã B. Trong quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn do anh H nghiện nặng, nên gánh nặng kinh tế và việc chăm lo cho con cái dồn hết vào chị N. Hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù, bố

mẹ anh H ở nhà còn có hành vi hành hung và đuổi mẹ con chị N ra khỏi nhà. Nên chị N và các con đã đi ở trọ nơi khác, không còn ở lại khu 6, phường L.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 06/9/2022 chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân H vắng mặt theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số:87/TB- TA ngày 11/8/2022, chị Nưng vắng mặt có lý do, anh H vắng mặt vì đang chấp hành án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2,4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân H vắng mặt có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Xuân H, chị Nguyễn Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: - Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 /Luật hôn nhân gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Đề nghị HĐXX giải quyết:

- Về hôn nhân: Xử cho cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Xuân H.
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Lê Xuân T(nam) sinh ngày 29/10/2006 và cháu Lê Ánh D(nam) sinh ngày 06/10/2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 2 cháu đến tuổi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu.
- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên miễn xét.
- Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân H. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường L, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, trong cách nghĩ, cách sống đều khác nhau, không ai nhường nhịn ai. HĐXX xét thấy, cuộc sống vợ chồng anh H và chị N không hòa hợp, hiện nay anh H đi chấp hành án 23 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên tình cảm vợ chồng xa cách, lạnh nhạt, một mình chị N vất vả phải gánh vác việc gia đình, nuôi dạy 2 con. Vì anh H nghiện ma túy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N giải quyết cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Lê Xuân T(nam) sinh ngày 29/10/2006, cháu thứ hai tên là Lê Ánh D(nam) sinh ngày 06/10/2008. Chị N có nguyện vọng xin được nuôi 2 cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H xin được nuôi cháu D, giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy: Anh H hiện đang chấp hành án nên không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con được, hơn nữa theo nguyện vọng của cháu D và cháu T đều có nguyện vọng xin ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao con chung của vợ chồng là cháu D và cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Nương đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn ngày 09/8/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/0005187. Như vậy, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nương

* Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lê Xuân H.

* Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu là Lê Xuân T(nam) sinh ngày 29/10/2006, cháu thứ hai tên là Lê Ánh D(nam) sinh ngày 06/10/2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lê Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn ngày 09/8/2022 theo biên lai thu số: AA/2021/0005187. Như vậy, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Lê Xuân H.

Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bim sơn;
- Đương sự;
- THA Dân sự TX Bim sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Quang Trung, Huyện
Vụ Bản, tỉnh Nam Định(ĐK năm 2006)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÓNG THỊ HÀ

